TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST Ngày: 11 - 9 - 2023 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 111/2023/TLST-HN&GĐ ngày 17/8/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 26/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1985. Nơi thường trú: Thôn 5, xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị N**, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Thôn 5, xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của nguyên đơn là anh Bùi Văn D trình bày:

Anh và chị Phan Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 30/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình chung sống tiếp theo, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị N nhiều lần có thái độ và lời nói hỗn láo với chồng và bố chồng. Có lần chị N còn đe dọa cả chồng và gia đình chồng. Do kinh tế vợ chồng khó khăn nên năm 2015, anh đã đi Đoài Loan xuất khẩu lao động. Thỉnh thoảng anh về Việt Nam thăm gia đình. Mỗi lần về, vợ chồng đều cãi

nhau. Năm 2019 trong 1 lần về Việt Nam, anh có mời gia đình chị N xuống nhà và đã tuyên bố với cả chị N và gia đình chị N: Nếu chị N không thay đổi cách xử sự với chồng và gia đình chồng, không chăm sóc gia đình thì anh sẽ ly hôn chị N. Tuy nhiên sau lần đó, chị N vẫn không thay đổi bản thân, vẫn xúc phạm và hỗn láo với chồng và gia đình chồng. Năm 2020, anh đã gửi đơn ly hôn chị N đến Tòa án. Do dịch bệnh Covid–19 nên anh không về Việt Nam để giải quyết tiếp vụ án nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Trong thời gian anh lao động ở Đài Loan, chị N thường xuyên gọi điện thoại và nhắn tin cho anh chửi bậy, không để anh yên ổn làm việc nên anh phải chặn số điện thoại của chị N. Nay, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Bùi Đức An, sinh ngày 28/9/2013 và cháu Bùi Ngọc Phương, sinh ngày 03/10/2015. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 1 con, anh nuôi con nào cũng được, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh mới đi lao động ở Đài Loan về, đã nộp đơn xin việc ở Công ty Inox tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Anh đang ở nhà cùng bố tại xã Vân Nam. Ly hôn, anh và con tiếp tục sinh sống ổn định ở đây.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

* Bị đơn là chị Phan Thị N trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh D đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ. Thời gian đầu, vợ chồng cùng làm công nhân. Khi chị mang thai, anh D về đi chợ hoa quả ở trung tâm Hà Nội, còn chị ở nhà. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau và ăn cơm cùng nhà chỉ được mấy tháng. Do kinh tế vợ chồng khó khăn nên năm 2015, anh D đi xuất khẩu lao động ở Đoài Loan. Kể từ đó, anh D không quan tâm gì đến chị, không gọi điện hỏi thăm chị và các con. Anh D không gửi tiền về để chị để trang trải cuộc sống và nuôi con. Chị thừa nhận, bố anh D có đóng tiền học cho các cháu. Tháng nào ông quên thì chị đóng. Chị gọi điện cho anh D bảo chuyển tiền về cho chị nuôi con nhưng anh D không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau. Từ đó, chị không gọi điện cho anh D nữa, vợ chồng không liên lạc, thông tin gì với nhau. Những lần về Việt Nam, anh D không ở cùng nhà với chị và cũng không ngủ với chị. Nếu anh D cương quyết xin ly hôn, chị đồng ý. Từ khi anh D gửi đơn ly hôn đến Tòa án, chị đã thuê nhà ra ở riêng từ đó đến nay.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Bùi Đức An, sinh ngày 28/9/2013 và cháu Bùi Ngọc Phương, sinh ngày 03/10/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi con chung là 02 triệu đồng/con/tháng.

Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty giấy ở xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ. Thời gian đi làm từ 07 giờ sáng đến 17 giờ 30; hôm nào tăng ca thì làm đến 19 giờ. Lương tháng từ 08 – 09 triệu đồng, đảm bảo cuộc sống cho cả 03 mẹ con.

* Ông Bùi Văn Sáu bố đẻ anh Bùi Văn D trình bày: Năm 2012, anh D kết hôn với chị N. Ông sống cùng nhà với vợ chồng anh D nhưng ăn riêng, kinh tế riêng. Vợ chồng anh D sống hạnh phúc thời gian đầu sau khi kết hôn. Cưới nhau được khoảng 03 năm, anh D đi Đài Loan xuất khẩu lao động để phát triển kinh tế gia đình. Trước khi đi Đài Loan, anh D và chị N đã thường xuyên cãi nhau về kinh tế và nuôi dạy con chung. Nhiều lần ông khuyên giải nhưng vợ chồng anh D không cải thiện, vẫn thường xuyên cãi nhau. Chị N là con dâu nhưng xử sự với gia đình chồng không đúng mực, hỗn láo với ông, với các bác, các cô gia đình bên chồng. Có lần, chị N còn đe dọa cả ông và anh D. Anh D phải gọi bố vợ cùng gia đình vợ xuống nhà ông để khuyên bảo con gái. Hôm đó, chị N hứa sẽ sửa đổi tính nết và cách cư xử với chồng và gia đình chồng. Tuy nhiên, chị N vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Anh D đi làm vắng nhà thì chị coi thường ông, chửi bậy hỗn láo. Bố con sống cùng nhà nhưng chị N không chào hỏi ông. Ngày 30 Tết, chị N rút máy giặt, không cho ông giặt quần áo, chăn màn mà bắt ông phải giặt tay. Khi anh D đi Đài Loan, chị N gọi điện cho anh D, cãi nhau trên điện thoại. Anh D cũng không gửi tiền về cho chị N mà gửi tiền cho ông để ông đóng học cho các cháu. Thời gian gần đây, chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, họ kéo đến tận nhà ông đánh ghen, ném đồ bẩn thỉu vào trong nhà. Anh D có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để anh D được ly hôn chị N. Vì thương các cháu nên ông mới để chị N sống cùng nhà. Nhưng chị N đã gây ra nhiều rắc rối cho gia đình ông, không thể chịu đựng thêm nữa.

Tại phiên tòa: Anh D giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị N. Chị N thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn mặc dù xác định không còn tình cảm vợ chồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn D: Anh Bùi Văn D được ly hôn chị Phan Thị N. Về con chung: Giao cho anh D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Đức An, sinh ngày 28/9/2013; giao chị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Ngọc Phương, sinh ngày 03/10/2015. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Bùi Văn D xin ly hôn chị Phan Thị N đang sinh sống tại xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn D và chị Phan Thị N xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 30/11/2012 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình chung sống tiếp theo, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị N có những lời nói hỗn láo, xúc phạm chồng và gia đình chồng. Năm 2015, anh D đi Đài Loan xuất khẩu lao động. Những lần về Việt Nam, vợ chồng không cải thiện mâu thuẫn trước đó, anh D không hỏi han, quan tâm và không ngủ cùng vợ. Vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Nay cả anh D và chị N đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, nhưng chị N không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữ anh D và chị N còn tồn tại nhưng không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của anh D xin ly hôn chị N.

[3]. Về con chung: Anh D và chị N có 02 con chung là cháu Bùi Đức An, sinh ngày 28/9/2013 và cháu Bùi Ngọc Phương, sinh ngày 03/10/2015. Anh D xin được nuôi 01 con, con nào cũng được cho chị N lựa chọn. Chị N xin được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 02 triệu đồng/con/tháng và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng 01 lần. Xét thấy, nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con của cả anh D và chị N là chính đáng. Chị N hiện làm công nhân, thời gian đi làm từ 07 giờ đến 17 giờ 30, những ngày tăng ca làm đến 19 giờ, lương 08 – 09 triệu đồng/tháng. Chị N chưa có chỗ ở ổn định, đang thuê nhà cách nơi làm việc và học tập của mẹ và con khá xa. Các con chưa tự đến trường mà hàng ngày chị N vẫn phải đưa đón. Anh D đang sinh sống cùng nhà với bố tại xã Vân Nam ổn định, chỗ ở rộng rãi, tiện nghi sinh hoạt đầy đủ, gần trường học của cả 2 con. Vì vậy, giao cho anh D và chị Nhung, mỗi người nuôi 01 con là phù hợp vào thời điểm hiện tại. Cháu Phương còn nhỏ, là con gái nên giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cho anh D trực tiếp nuôi cháu An. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cả anh D và chị N.

[4]. Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh D đều xác định không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn D

1.1. Anh Bùi Văn D được ly hôn chị Phan Thị N.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi cháu Bùi Đức An, sinh ngày 28/9/2013; giao cho chị Phan Thị N được trực tiếp nuôi cháu Bùi Ngọc Phương, sinh ngày 03/10/2015 đến khi cháu An, cháu Phương đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cả anh D và chị N cho đến khi có yêu cầu mới. Anh D và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042159 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ (số 60-30/11/2012)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức Hiếu